

# CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT DỊCH VỤ AN TIẾN PHÁT

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT DỊCH VỤ AN TIẾN PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CTY TNHH MTV TM KT DV AN TIẾN PHÁT

**2. Mã số doanh nghiệp:** 1301009801

**3. Ngày thành lập:** 30/05/2016

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 129D, Đoàn Hoàng Minh, khu phố Bình Khởi, Phường 6, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Điện thoại: 0977630454

Fax:

Email: doanminhtam99@gmail.com

Website: antienphat.vn

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5022        |
| 2.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4662        |
| 3.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                              | 4663        |
| 4.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ linh kiện điện thoại. Bán lẻ linh kiện máy camera và máy camera. Bán lẻ thiết bị viễn thông. Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm. Bán lẻ thiết bị nghe nhìn | 4741(Chính) |
| 5.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                              | 4759        |
| 6.  | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3100        |
| 7.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị<br>Chi tiết: Sửa chữa camera. Sửa chữa máy photocopy, máy in, máy vi tính.                                                                                                                                                                                                | 3312        |
| 8.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                            | 4210        |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống điện<br>Chi tiết: Lắp đặt camera                                                                                                                                                                                                                                                    | 4321        |
| 10. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                      | 4322        |
| 11. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>(trừ môi giới pháp luật cầm kinh doanh)                                                                                                                                                                                                                                 | 4610        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                              |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 12. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ lâm sản và động vật pháp luật cấm kinh doanh)                                                                                                                                               | 4620                                                         |
| 13. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                                    | 4641                                                         |
| 14. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                      | 4649                                                         |
| 15. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                     | 4651                                                         |
| 16. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>Chi tiết: Bán buôn linh kiện điện thoại. Bán buôn linh kiện máy camera và máy camera. Bán buôn băng, đĩa từ, băng đĩa quang (CDs, DVDs) chưa ghi (băng, đĩa trắng). Bán buôn thiết bị điện thoại và truyền thông. | 4652                                                         |
| 17. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)                                                                                                                | 4659                                                         |
| 18. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                          | 4933                                                         |
| 19. | Giáo dục nghề nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                    | 8532                                                         |
| 20. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                               | 9511                                                         |
| 21. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                                                                                                              | 9512                                                         |
| 22. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                                                                                                                                            | 9521                                                         |
| 23. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác                                                                                                                                                                                                                     | 7730                                                         |
| 24. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                                                                                                                                                | 8219                                                         |
| 25. | Ghi chú: Đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện doanh nghiệp chỉ được hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật                                                                                                                         | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 50.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: ĐOÀN MINH TÂM

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 15/04/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 321320230

Ngày cấp: 15/07/2004

Nơi cấp: Công an Bến Tre

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 129D, Đoàn Hoàng Minh, Phường 6, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 129D, Đoàn Hoàng Minh, Phường 6, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐOÀN MINH TÂM

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/04/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 321320230

Ngày cấp: 15/07/2004

Nơi cấp: Công an Bến Tre

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 129D, Đoàn Hoàn Minh, Phường 6, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 129D, Đoàn Hoàn Minh, Phường 6, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bến Tre